

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách

Quý IV/2025 và 6 tháng cuối năm 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 về việc sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 61/2017-BTC ngày 15/ 6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Xét đề nghị của kế toán Trường MN Diễn Phú;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách Quý IV/2025 và 6 tháng cuối năm 2025 của Trường MN Diễn Phú.

(Có biểu mẫu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Từ ngày 29 tháng 01 năm 2026 đến ngày 28 tháng 02 năm 2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Kế toán đơn vị và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận;

- Lưu :TT, KT.



Tân Châu, ngày 29 tháng 01 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc công bố thực hiện dự toán thu chi ngân sách

Quý IV/2025 và 6 tháng cuối năm 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 về việc sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 61/2017-BTC ngày 15/ 6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Trường MN Diễn Phú thông báo công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách Quý IV/2025 và 6 tháng cuối năm 2025, cụ thể:

Hình thức công khai: Niêm yết tại bảng công khai và trang Website trường Mầm non Diễn Phú.

(theo biểu mẫu đính kèm)

***Thời gian công khai:** Từ ngày 29 tháng 01 năm 2026 đến ngày 28 tháng 02 năm 2026.

Yêu cầu: Mọi cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh trường MN Diễn Phú xem bảng kế hoạch công khai, có gì vướng mắc chưa rõ sẽ phản ánh về Ban thanh tra nhân dân hoặc chủ tài khoản trường MN Diễn Phú.

Vậy trường MN Diễn Phú thông báo để các thành viên trong hội đồng sư phạm, phụ huynh học sinh xem trên bảng công khai của nhà trường.



Cao Thị Hải Yến

Tân Châu, ngày 29 tháng 01 năm 2026

BIÊN BẢN

**Niêm yết công khai thực hiện dự toán thu chi Quý IV/2025
và 6 tháng cuối năm 2025**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 về việc sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 61/2017-BTC ngày 15/ 6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Hôm nay, vào lúc 9 giờ 30 phút ngày 29/01/2026, tại Trường MN Diễn Phú đã tiến hành lập biên bản công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách Quý IV/2025 và 6 tháng cuối năm 2025.

I. Thành phần lập biên bản kết thúc công khai:

- | | |
|-----------------------------|--------------------------------------|
| 1. Bà: Cao Thị Hải Yến | Chức vụ: Hiệu trưởng |
| 2. Bà: Hoàng Thị Phương Nga | Chức vụ: Phó hiệu trưởng PTCM |
| 3. Bà: Cao Thị Tân | Chức vụ: Phó hiệu trưởng PTCSVC |
| 4. Bà: Đinh Thị Dung | Chức vụ: Kế toán |
| 5. Bà: Trịnh Thị Thủy | Chức vụ: Y tế – Thủ quỹ |
| 6. Bà: Hoàng Thị Minh | Chức vụ: TB. Thanh tra ND |
| 7. Bà: Lương Thị Lê | Chức vụ: Giáo viên - Thư ký hội đồng |

II. Kết quả công khai cụ thể như sau:

1. Nội dung: Tiến hành ghi nhận và lập biên bản về việc công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách Quý IV/2025 và 6 tháng cuối năm 2025.

- Công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách Quý IV/2026 và 6 tháng cuối năm 2026.

2. Thời gian niêm yết: Từ ngày 29 tháng 01 năm 2026 đến ngày 28 tháng 02 năm 2026.

Thời gian công khai: 30 ngày

- Vị trí niêm yết: Niêm yết tại bảng công khai và trang Website trường Mầm non Diễn Phú.

Biên bản công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách Quý IV/2025 và 6 tháng cuối năm 2025 kết thúc vào lúc 10 giờ 15 phút cùng ngày. Đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua.

Biên bản được lập thành 2 bản, lưu tại trường 1 bản, Ban đại thanh tra nhân dân 1 bản /



HIỆU TRƯỞNG

Cao Thị Hải Yến

PHT. PHỤ TRÁCH CM

Hoàng Thị Phương Nga

PHT. PHỤ TRÁCH CSVC

Cao Thị Tân

THƯ KÝ HĐ

Lương Thị Lê

THANH TRA

Hoàng Thị Minh

THỦ QUỸ

Trịnh Thị Thủy

KẾ TOÁN

Đinh Thị Dung

Biểu số 3

Đơn vị: Trường MN Diễn Phú

Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV NĂM 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số

Trường MN Diễn Phú công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Quý IV năm 2025 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện Quý IV năm 2025	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1 512 541 464	1 512 541 464	100,00	
3.1.1	Tiền lương		778.089.810		
	Lương theo ngạch, bậc		778.089.810		
3.1.2	Phụ cấp lương		413.372.561		
	Phụ cấp chức vụ		13.338.510		
	Phụ cấp ưu đãi nghề		273.525.695		
	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc		1.404.000		
	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề		125.104.356		
3.1.3	Các khoản đóng góp		202.818.841		
	Bảo hiểm xã hội		165.074.841		
	Bảo hiểm y tế		28.309.000		
	Bảo hiểm thất nghiệp		9.435.000		
3.1.4	Thanh toán dịch vụ công cộng		11.255.932		
	Tiền điện		11.255.932		
3.1.5	Công tác phí		13.230.000		
	Tiền vé máy bay, tàu, xe		560.000		
	Phụ cấp công tác phí		2.400.000		
	Tiền thuê phòng ngủ		2.400.000		

	Khoản công tác phí		2.100.000		
	Sinh hoạt phí đi học cho cán bộ		5.770.000		
3.1.6	Chi phí thuê mướn		8.000.000		
	Chi phí thuê mướn khác		8.000.000		
3.1.7	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		17.448.320		
	Các thiết bị công nghệ thông tin		2.000.000		
	Các tài sản và công trình hạ tầng khác		15.448.320		
3.1.8	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn		25.650.000		
	Tài sản và thiết bị văn phòng		25.650.000		
3.1.9	Chi khác		20.200.000		
	Chi tiếp khách		20.200.000		
3.1.10	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		6.476.000		
	Chi mua hàng hóa, vật tư		6.476.000		
3.1.11	Chi lập các quỹ của đơn vị SN có thu		16.000.000		
	Chi lập quỹ bổ sung thu nhập, quỹ dự phòng ổn định TN		1.600.000		
	Chi lập quỹ phúc lợi		11.200.000		
	Chi lập quỹ khen thưởng		800.000		
	Chi lập quỹ phát triển HD SN		2.400.000		
3.2	II. Kinh phí không được giao tự chủ	346.346.000	346.346.000	100,0	
	12 - KP không thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	346.346.000	346.346.000		
3.2.1	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	9.888.000	9.888.000		
	Học bổng học sinh, sinh viên		7.488.000		
	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập		2.400.000		
3.2.2	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	6.400.000	6.400.000		
	Tiền ăn		6.400.000		
3.2.3	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	30.000.000	30.000.000		
	Các tài sản và công trình hạ tầng khác		30.000.000		
3.2.4	18 - Quỹ tiền thưởng theo NĐ 73	300 058 000	300.058.000		
	Thưởng định kỳ		300.058.000		

Tân Châu, ngày 29 tháng 01 năm 2025



HIỆU TRƯỞNG
Cao Thị Hải Yến

Biểu số 3

Đơn vị: Trường MN Diễn Phú

Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường MN Diễn Phú công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2025 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng cuối năm 2025	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2 920 282 494	2 920 282 494	100,00	
3.1.1	Tiền lương		1.547.024.208		
	Lương theo ngạch, bậc		1.547.024.208		
3.1.2	Phụ cấp lương		819.694.535		
	Phụ cấp chức vụ		26.677.020		
	Phụ cấp ưu đãi nghề		541.943.293		
	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc		7.020.000		
	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề		244.054.222		
3.1.3	Các khoản đóng góp		395.148.841		
	Bảo hiểm xã hội		321.621.841		
	Bảo hiểm y tế		55.146.000		
	Bảo hiểm thất nghiệp		18.381.000		
3.1.4	Thanh toán dịch vụ công cộng		15.070.590		
	Tiền điện		15.070.590		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng cuối năm 2025	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
3.1.5	Công tác phí		19.570.000		
	Tiền vé máy bay, tàu, xe		900.000		
	Phụ cấp công tác phí		3.000.000		
	Tiền thuê phòng ngủ		2.700.000		
	Khoản công tác phí		4.600.000		
	Sinh hoạt phí đi học cho cán bộ		8.370.000		
3.1.6	Chi phí thuê mướn		8.000.000		
	Chi phí thuê mướn khác		8.000.000		
3.1.7	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		46.748.320		
	Các thiết bị công nghệ thông tin		4.000.000		
	Các tài sản và công trình hạ tầng khác		42.748.320		
3.1.8	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn		25.650.000		
	Tài sản và thiết bị văn phòng		25.650.000		
3.1.9	Chi khác		20.200.000		
	Chi tiếp khách		20.200.000		
3.1.10	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		7.176.000		
	Chi mua hàng hóa, vật tư		7.176.000		
3.1.11	Chi lập các quỹ của đơn vị SN có thu		16.000.000		
	Chi lập quỹ bổ sung thu nhập, quỹ dự phòng ổn định TN		1.600.000		
	Chi lập quỹ phúc lợi		11.200.000		
	Chi lập quỹ khen thưởng		800.000		
	Chi lập quỹ phát triển HD SN		2.400.000		
3.2	II. Kinh phí không được giao tự chủ	346.346.000	346.346.000	100,0	
	12 - KP không thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	346.346.000	346.346.000		
3.2.1	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	9.888.000	9.888.000		
	Học bổng học sinh, sinh viên		7.488.000		
	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập		2.400.000		
3.2.2	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	6.400.000	6.400.000		
	Tiền ăn		6.400.000		
3.2.3	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	30.000.000	30.000.000		
	Các tài sản và công trình hạ tầng khác		30.000.000		
3.2.4	18 - Quỹ tiền thưởng theo NĐ 73	300 058 000	300.058.000		
	Thưởng định kỳ		300.058.000		

Tân Châu, ngày 29 tháng 01 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG
MÃM NON
DIỄN PHỦ
Cao Thị Hải Yến